

Bản án số: 09/2024/HC-PT

Ngày 29-8-2024

“V/v khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Mạnh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hà;

Ông Nguyễn Văn Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Phúc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên tham gia phiên
tòa:** Bà Cao Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hành chính thụ lý số: 13/2023/TLPT- HC ngày 01/11/2023 về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do bản án 02/2023/TLST- HC ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Phan Văn D, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980 (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/11/2022); địa chỉ: Số D, đường N, phường Đ, thành phố V Vĩnh Phúc.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân xã T; địa chỉ: xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng T - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T; địa chỉ: xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (Theo văn bản ủy quyền ngày 27/3/2023);

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1955; địa chỉ: thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980; địa chỉ: Số D, đường N, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (Theo văn bản ủy quyền ngày 30/05/2023).

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H là đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/11/2022 và đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người khởi kiện ông Phan Văn D, người đại diện theo ủy quyền của Phan Văn D là ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông D là chủ sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất 3600m² đất thuộc thửa đất số 253, tờ bản đồ số 15, địa chỉ thửa đất tại thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Nguồn gốc thửa đất trên là do gia đình ông khai hoang để trồng cây lâu năm từ năm 1992. Từ thời điểm khai hoang đất đến nay, gia đình ông trồng rừng và sử dụng ổn định, liên tục, không tranh chấp với ai. Thửa đất này trước đó là của bà Phan Thị B, sau đó bà B về P sinh sống và giao lại thửa đất này cho ông D canh tác, sử dụng. Ngày 17/7/2019, ông D đã gửi hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên tới Ủy ban nhân dân xã T. Sau rất nhiều thời gian liên hệ, Ủy ban nhân dân xã T chưa hoàn thiện thủ tục xác nhận đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông. Ngày 14/10/2019, ông D khởi kiện hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân xã T ra Tòa án nhân dân huyện Tam Dương để yêu cầu Tòa án tuyên buộc Ủy ban nhân dân xã T hoàn thiện, trả kết quả thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Ngày 24/7/2020, UBND xã T ban hành Công văn số 132/HC-UBND về việc không xác nhận đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và trả lại hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông D. Ông D tiếp tục khởi kiện UBND xã T đến TAND huyện Tam Dương với yêu cầu “Tuyên hủy văn bản số 132/HC-UBND ngày 24/7/2020 của UBND xã T”. Quá trình TAND huyện Tam Dương giải quyết vụ án, UBND xã T đã hủy bỏ văn bản số 132/HC-UBND, đồng ý thực hiện các thủ tục thuộc thẩm quyền để hoàn thiện hồ sơ, ông D đã rút đơn khởi kiện và TAND huyện Tam Dương đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên ngày 23/9/2022, ông D có nhận được Công văn số 254/CV-UBND về việc giải quyết hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của UBND xã T. Nội dung thể hiện thửa đất ông D đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc quỹ đất công ích do Ủy ban nhân dân xã Q1, không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Việc không giải quyết hồ sơ và trả lời bằng văn bản của UBND xã T là không đúng quy định của pháp luật. Vì:

Thứ nhất, khoản 1, khoản 3 Điều 132 Luật Đất đai năm 2013 quy định về quản lý đất công ích như sau:

“1. Căn cứ vào quỹ đất, đặc điểm và nhu cầu của địa phương, mỗi xã, phường, thị trấn được lập quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích không quá 5% tổng diện tích đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản để phục vụ cho các nhu cầu công ích của địa phương....

3. Đối với diện tích đất chưa sử dụng vào mục đích quy định tại khoản 2 Điều này thì Ủy ban nhân dân cấp xã cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản theo hình thức đấu giá để cho thuê. Thời hạn sử dụng đất đối với mỗi lần thuê không quá 05 năm.”.

Như vậy, trong trường hợp đất thuộc quỹ đất công ích của Ủy ban nhân dân xã nhưng chưa sử dụng vào mục đích công ích thì phải có văn bản giao thầu, giao khoán cho hộ gia đình, cá nhân để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, thửa đất số 253, tờ bản đồ số 15 là đất do gia đình ông khai hoang trồng trọt từ năm 1992, từ đó đến nay ông D cũng không nhận được bất kỳ quyết định giao thầu, giao khoán nào của UBND xã và sử dụng liên tục, ổn định vào mục đích trồng rừng. Ngoài ra, từ khi sử dụng đất đến nay, gia đình chưa nhận được bất kỳ biên bản hay quyết định xử phạt vi phạm hành chính nào và hàng năm ông vẫn đóng thuế đầy đủ cho nhà nước.

Thứ hai, khoản 5 Điều 33 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định về chứng nhận quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng như sau: *“Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư không có giấy tờ quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà đã trồng rừng sản xuất bằng vốn của mình thì phải được Văn phòng đăng ký đất đai xác nhận có đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai”.* Đồng thời, khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 quy định: *“Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy hoạch thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.*

Từ những luận điểm nêu trên cho thấy thửa đất số 253, tờ bản đồ số 15 tại thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc đã được gia đình ông D sử dụng ổn định, liên tục từ năm 1992, đất sử dụng không theo quyết định giao thầu, giao khoán của UBND xã đối với trường hợp đất thuộc quỹ đất công ích và đủ điều kiện để được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai. Vì vậy, việc UBND xã T đưa ra lý do thửa đất thuộc quỹ đất công ích của xã, trong khi UBND xã không đưa ra được căn cứ để chứng minh đây là đất công ích do UBND xã quản lý, để từ chối hoàn thiện hồ sơ cho gia đình ông D là không đúng quy định pháp luật, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông D. Do đó, ông D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tam

Dương:

- Tuyên hành vi không giải quyết hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Phan Văn D đối với thửa đất số 253, tờ bản đồ số 15 của UBND xã T là trái quy định của pháp luật.

- Tuyên hủy Công văn số 254/CV-UBND ngày 23/9/2022 của UBND xã T về việc giải quyết hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của UBND xã T; tiếp nhận lại và giải quyết hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ của ông Phan Văn D.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, ông Nguyễn Hồng T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó đã trình bày:

Thửa đất ông D đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc quỹ đất công ích do Ủy ban nhân dân xã T quản lý, không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo khoản 2 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai. Việc ông D trình bày sử dụng trồng rừng trên thửa đất từ năm 1992 đến nay không có hợp đồng, quyết định giao thầu hay biên bản quyết định xử phạt hành chính nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bởi lẽ từ trước đến nay các khu đất chưa sử dụng trên địa bàn xã, Ủy ban nhân dân xã giao cho các thôn trực tiếp quản lý và giao thầu đến từng hộ gia đình, cá nhân trong đó có hộ ông D hàng năm lập phương án thu thuế, sản nộp về Ủy ban nhân dân xã. Nay quan điểm của Ủy ban nhân dân xã T đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D.

Người làm chứng:

Ông Nguyễn Văn S vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 13/6/2023, trình bày: Ông là người dân ở thôn X (nay là thôn X) và là trưởng thôn từ năm 2015 đến năm 2019. Diện tích đất ông D đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất hoang hóa do Ủy Ban nhân dân xã quản lý Và thu thuế hàng năm. Ông D sử dụng đất này từ năm 1980, trên diện tích đất này ông D trồng sắn và bạch đàn. Tại phiếu lấy ý kiến của khu dân cư không ghi ngày tháng năm, phần những người tham gia cuộc họp có ghi tên Nguyễn Văn S, ông khẳng định không có cuộc họp này, chữ ký và chữ viết Nguyễn Văn S không phải của ông. Diện tích đất ông D đang đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất của Kho Xăng quân đội từ những năm 1975. Sau đó không sử dụng nữa nên Ủy ban nhân dân xã thu hồi và giao cho các thôn để các thôn giao khoán đến các hộ gia đình canh tác có nộp thuế sản hàng năm là 8kg thóc/1 sào. Khoảng 02 năm nay ông D không canh tác gì mà chỉ thuê máy vào cải tạo đất.

Ông Phan Đức Q vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 13/6/2023, trình bày: Ông Quế sinh ra và lớn lên tại thôn X, xã T. Diện tích đất mà ông D đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông D khai hoang từ năm nào ông không nhớ. Trên diện tích đất đó trước đây ông D trồng sắn, bạch đàn, hiện tại ông D trồng gì ông không biết. Tại phiếu lấy ý kiến của khu dân cư không ghi ngày tháng năm ông khẳng định không có cuộc họp này; phần

ghi những người tham gia cuộc họp, chữ viết “Phan Đức Q” không phải là chữ viết của ông; chữ ký “Quế” đúng là chữ ký của ông. Gia đình ông cũng có một phần đất cạnh diện tích đất gia đình ông D đang đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hàng năm gia đình ông vẫn đóng thuế cho thôn đầy đủ. Việc nộp thuế bắt đầu từ năm 1995 đến nay, còn ủy ban nhân dân xã có giao đất về cho các thôn và các thôn có tổ chức giao đất cho các hộ dân hay không thì ông không nhớ.

Ông Phan Xuân D1 vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 13/6/2023, trình bày: Ông sinh ra và lớn lên tại thôn X (nay là thôn X), xã T. Thừa đất hiện ông D đang đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất khai hoang, ông thấy ông D sử dụng thửa đất trên khoảng gần 40 năm. Tại phiếu lấy ý kiến của khu dân cư không ghi ngày tháng năm, ông D1 khẳng định không có cuộc họp này, chữ viết Phan Xuân D1 không phải là chữ viết của ông; chữ ký “Dương” thì ông không nhớ có ký hay không.

Ông Nguyễn Văn M vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 13/6/2023 trình bày: Ông sinh ra và lớn lên ở thôn X, xã T, là trưởng thôn từ tháng 7/2020 đến nay. Diện tích đất ông D đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông nghe người dân nói là đất Kho Xăng, ông D sử dụng đất này từ thời gian nào ông không biết. Khi ông làm trưởng thôn, ông có được bàn giao phương án thu thuế vụ mùa năm 2019 của trưởng thôn cũ, trong đó có hộ ông Phan Văn D nộp thuế Đồi Gò = 14kg thóc/1 năm nhưng ông không biết diện tích đất ông D nộp thuế nằm ở vị trí nào. Từ khi ông làm trưởng thôn đến nay, ông D không nộp thuế đất cho thôn lần nào.

Tại bản án số 02/2023/TLST- HC ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương đã Quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31; Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng Hành chính; Luật Đất đai 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn D về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T chấm dứt hành vi vi phạm, tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Phan Văn D ở địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngoài ra bản án còn quyết định về quyền kháng cáo và án phí đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, ông Nguyễn Văn H đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn D kháng cáo, không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc sửa đổi với Bản án sơ thẩm số 02/2023/TLST- HC ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện có quan điểm: Đề nghị Hội đồng

xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án Thẩm phán đã thực hiện theo đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Người khởi kiện, người bị kiện cơ bản chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính về quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo pháp luật của người bị kiện vắng mặt, nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị: Bác kháng cáo của ông Phan Văn D do ông Nguyễn Văn H (đại diện theo ủy quyền kháng cáo), giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương.

Về án phí: Ông Phan Văn D là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Đơn kháng cáo của người đại diện cho người khởi kiện làm trong hạn luật định được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Đại diện người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt nên tòa án xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính..

[1.3] Về đối tượng khởi kiện vụ án hành chính:

Ngày 17/7/2019, ông Phan Văn D gửi hồ sơ, đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đề nghị UBND xã T xác nhận nguồn gốc đất, Văn phòng ĐKĐĐ – Chi nhánh huyện T và UBND huyện T cấp Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Phan Văn D đối với thửa đất số 253, tờ bản đồ 15 tại thôn X, xã T, huyện T, diện tích 3.660m². Theo ông D nguồn gốc sử dụng đất là do gia đình tự khai hoang sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm từ trước năm 1992. Ngày 23/9/2022, UBND xã T ban hành Công văn số 254/CV-UBND trả lời ông D về việc giải quyết hồ sơ đăng ký cấp giấy CNQSDĐ quyền sở hữu

nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, nội dung xác định thửa đất ông D đăng ký cấp giấy chứng nhận ... thuộc quỹ đất công ích do UBND xã quản lý, không đủ điều kiện cấp giấy CNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai. Ngày 07/11/2022, ông Phan Văn D khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hành vi không xác nhận vào đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Ủy ban nhân dân xã T là trái quy định pháp luật. Buộc Ủy ban nhân dân xã T hủy bỏ Công văn số 254/CV-UBND ngày 23/9/2022 về việc giải quyết hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Ủy ban nhân dân xã T; tiếp nhận lại và giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông D. Do vậy, hành vi không xác nhận vào đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Ủy ban nhân dân xã T được thể hiện thông qua Công văn số 254/CV-UBND ngày 23/9/2022 là đối tượng khởi kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng Hành chính.

[1.4] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện như trên thuộc thẩm quyền của Tòa án. TAND huyện Tam Dương giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31 Luật tố tụng hành chính.

[1.5] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 23/9/2022, UBND xã T ban hành Công văn số 254/CV-UBND trả lời ông D về việc giải quyết hồ sơ đăng ký cấp giấy CNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, nội dung xác định thửa đất ông D đăng ký cấp giấy chứng nhận ... thuộc quỹ đất công ích do UBND xã quản lý, không đủ điều kiện cấp giấy CNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai. Ngày 07/11/2022, ông Phan Văn D khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hành vi không xác nhận vào đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Ủy ban nhân dân xã T là trái quy định pháp luật là đảm bảo thời hiệu khởi kiện 01 năm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn H là đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn D cho rằng Bản án số 02/2023/HC-ST ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương không xem xét, đánh giá chứng cứ khách quan, đầy đủ đề nghị TAND tỉnh Vĩnh Phúc sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, nhận thấy:

Ông D trong đơn khởi kiện và trình bày tại Tòa án cho rằng gia đình ông là chủ sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất 3600m² đất thuộc thửa đất số 253, tờ bản đồ số 15, địa chỉ thửa đất tại thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Nguồn gốc thửa đất trên là do gia đình ông khai hoang để trồng cây lâu năm từ năm 1992; đất sử dụng không theo quyết định giao thầu, giao khoán của UBND

xã đối với trường hợp đất thuộc quỹ đất công ích và đủ điều kiện để được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai. Vì vậy, việc UBND xã T đưa ra lý do thừa đất thuộc quỹ đất công ích của xã và không đưa ra được căn cứ để chứng minh đây là đất công ích do UBND xã quản lý để từ chối hoàn thiện hồ sơ cho gia đình ông D là không đúng quy định pháp luật, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông D. Do đó, ông D yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên hành vi không giải quyết hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Phan Văn D đối với thửa đất số 253, tờ bản đồ số 15 của UBND xã T là trái quy định của pháp luật.

- Tuyên hủy Công văn số 254/CV-UBND ngày 23/9/2022 của UBND xã T “V/v giải quyết hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của UBND xã T; tiếp nhận lại và giải quyết hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ của ông Phan Văn D.

[2.1]. Về nguồn gốc thửa đất và quá trình quản lý sử dụng:

Tại biên bản làm việc của xã T ngày 11/9/2020; 28/7/2021 ngày 05/6/2023; ngày 16/6/2023 (BL 43, 50, 51); Biên bản xác minh tại Văn phòng Đ chi nhánh huyện T và các tài liệu thu thập được xác định: từ trước năm 1975, khu vực ông D yêu cầu xác định nguồn gốc sử dụng để cấp GCN là khu vực Đồi Gò thuộc kho xăng của Quân đội và Gò C, sau đó Nhà nước không sử dụng làm kho xăng thì các hộ dân ra canh tác.

Năm 1995, Nhà nước thu hồi phân diện tích đất trên giao cho UBND xã T quản lý, sau đó UBND xã giao toàn bộ diện tích đất khu vực kho xăng cho các thôn, sau đó các thôn giao khoán lại cho các hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu canh tác trồng cây nhận thầu khoán với thôn, hàng năm nộp thuế sản cho thôn để thôn nộp cho UBND xã. Khi giao đất cho thôn, UBND xã có lập biên bản giao khoán, sau đó thôn lập sổ thu thuế sản đối với các hộ nhận giao khoán.

Ủy ban nhân dân xã, Văn phòng đăng ký đất đai cũng xác định thửa đất số 253, tờ bản đồ số 15 ở địa chỉ thôn X (nay là thôn X), xã T do gia đình ông D tự cập nhật, điều chỉnh bản đồ với Văn phòng Đ rồi đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ... là đất Đồi Gò khu vực Kho xăng và Gò Chùa thuộc quỹ đất công ích do Ủy ban nhân dân xã Q1 (BL 104), diện tích trong phạm vi khu đất 1,5 ha trong đó có diện tích đất ông D đang canh tác, sử dụng.

Tại bản đồ 299, đo vẽ năm 1986 không thể hiện diện tích đất 3.660,6m² trên bản đồ. Tại sổ mục kê đất quyển số 01 không ghi năm lập, không thể hiện diện tích đất 3660m² và không quy chủ tên người sử dụng đất.

Theo bản đồ VN 2000 đo vẽ năm 2009 (bản gốc) và sổ mục kê lập năm 2009 thì thửa đất số 253, tờ bản đồ số 15 là một phần của thửa đất số 144, 145 và 66, loại đất nông nghiệp (LNK). Thửa đất số 145, 66 quy chủ sử dụng đất là Ủy ban nhân dân xã T (BL 104); thửa số 144 quy chủ sử dụng đất là hộ bà Phan Thị B- Phan Sâm. Danh sách các hộ chưa đóng sản Đồi Gò thể hiện ông Phan

Văn D chưa đóng 10.4kg, trưởng thôn Phan Văn L lập ngày 26/10/2006 (BL78). Tại Phương án thu vụ mùa năm 2014 thể hiện việc thu vụ mùa đối với hộ ông D đất Đồi Gò là 14kg thóc, rác thải là 74.000 đồng, xây tường chùa là 350.000 đồng (BL81).

Tại trang số 80 của sổ mục kê tờ bản đồ số 04 chỉ thể hiện tại thửa số 11 tên chủ sử dụng đất Phan Văn D đối với diện tích đất 2.187m², trong đó đất thổ cư 300m², đất vườn 1.887m² ở thôn X, xã T, huyện T. Hiện tại gia đình ông D đang sinh sống trên thửa đất này.

Ông Phan Văn D trình bày thửa đất số 253, tờ bản đồ số 15 có diện tích 3660m² do gia đình ông khai hoang và sử dụng ổn định từ năm 1992 đến nay nhưng ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh đã được nhà nước giao đất hay do gia đình khai hoang mà có để có căn cứ xác định ông D là chủ sử dụng hợp pháp đối với thửa đất trên; ngoài thuế nộp thầu khoán sản hàng năm, ông D không thực hiện việc nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với nhà nước.

Quá trình Tòa án giải quyết, ông D trình bày nguồn gốc thửa đất 253 mà ông D đề nghị cấp giấy chứng nhận là của bà Phan Thị B cho ông D quản lý, sử dụng từ năm 1992. Tại biên bản xác minh lập ngày 07/8/2023 của Công ty L1 với bà Phan Thị B (là bản photo), bà B trình bày thửa đất nông nghiệp ở khu vực kho xăng bà không được Nhà nước giao đất hay cấp đất, năm 1982 bà B quay về quê hương có dựng một ngôi nhà (đắp đất, trát vách) tại khu vực Kho xăng thôn Đ, xã T để ở nhưng sau đó do hoàn cảnh gia đình bà về P sinh sống có giao cho ông D (là cháu bà) sử dụng ngôi nhà vách đất. Nguồn gốc thửa đất bà B thừa nhận không được Nhà nước giao đất hay cấp đất. Do vậy việc ông D cho rằng thửa đất 253 gia đình ông khai hoang từ năm 1992 mà có là không có căn cứ.

[2.2]. Xét về hành vi hành chính bị kiện và nội dung Công văn số 254/CV- UBND ngày 23/9/2022 của UBND xã T: Ngày 17/7/2019, thông qua đường bưu điện, ông D có gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến Ủy ban nhân dân xã T. Sau nhiều lần liên hệ ông D chưa nhận được trả lời của Ủy ban nhân dân xã T, đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 253, tờ bản đồ số 15, diện tích khoảng 3600m² ở địa chỉ thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 14/10/2019, ông D khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Tam Dương sau đó đã rút đơn khởi kiện. Ngày 24/7/2020, Ủy ban nhân dân xã T ban hành công văn số 132/HC-UBND về việc không xác nhận đơn đề nghị đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông D. Ông D tiếp tục có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Tam Dương đề nghị hủy văn bản số 132/HC-UBND ngày 24/7/2020 của Ủy ban nhân dân xã T. Quá trình giải quyết vụ án, Ủy ban nhân dân xã T đã hủy bỏ công văn số 132/HC-UBND ngày 24/7/2020 nên sau đó ông D rút đơn khởi kiện và tiếp tục đề nghị UBND xã T tiến hành giải quyết hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 253, tờ bản đồ số 15, diện tích 3660,6m² tại thôn X, xã T, huyện T. Khi ông D nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

đối với thửa đất số 253, ông có nộp Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất thể hiện có chữ ký của các ông bà Nguyễn Văn S, Phan Đức Q, Phan Quốc P, Phan Xuân D1, Lê Văn C1. Tuy nhiên, phiếu này không có ngày tháng năm; tại biên bản làm việc ngày 11/9/2020 các ông S, ông Q, ông P, ông D1, ông C1 đều trình bày không có cuộc họp lấy phiếu ý kiến của khu dân cư; chữ ký trong mục “Ký tên” không phải là chữ lý của các ông; quá trình làm việc với TAND huyện Tam Dương ông S, ông Q, ông D1 và ông Nguyễn Văn M (là trưởng thôn từ tháng 7/2020 đến nay) đều trình bày nguồn gốc thửa đất 253 ông D đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước đây là kho xăng, sau đó UBND xã giao cho các thôn để giao cho các cá nhân, hộ gia đình trong thôn thầu khoán, không phải đất do gia đình ông D khai hoang mà có. Mặt khác, theo các tài liệu xác minh về nguồn gốc đất cho thấy, thửa đất số 253, tờ bản đồ số 15, trước đây là các thửa đất 144, 145, 66 trong đó thửa 145, 66 quy chủ sử dụng đất là Ủy ban nhân dân xã T; thửa 144 quy chủ sử dụng là hộ bà Phan Thị B - Phan Sâm. Không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện thửa đất trên do gia đình ông D khai hoang từ năm 1992.

Hơn nữa, vị trí thửa đất 253 ông D đề nghị xác định nguồn gốc để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã xác định nằm trong khu quy hoạch là khu ký túc xá của trường đại học (BL 49) được UBND tỉnh V phê duyệt tại Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 03/4/2013 và Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 20/01/2016. Ngày 23/9/2022, Ủy ban nhân dân xã T ban hành Công văn số 254/CV-UBND trả lời ông D về thửa đất ông D đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đủ điều kiện để xác nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lý do: Thửa đất số 253 tờ bản đồ 15, diện tích 3660m² (theo đơn đề nghị) không trùng khớp với số thửa, diện tích trong bản đồ quản lý tại xã; thửa đất ông D đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ... thuộc quỹ đất công ích do Ủy ban nhân dân xã Q1, không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo khoản 2 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

[2.3]. Sau khi tòa án tạm ngừng phiên tòa để xác minh thêm, tòa án đã có công văn số 29/2024/CV-HC ngày 01/8/2024 đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T xác định, trả lời về nguồn gốc thửa đất, về diện tích đất của ông D có nằm trong quy hoạch của tỉnh Vĩnh Phúc không. Tại công văn số 511/HC-TNMT của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T đã trả lời: Về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất do UBND cấp xã xác định; UBND xã trực tiếp quản lý đất công ích. Theo quy định tại Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, đất công ích (Đất của Nhà nước – tài sản công) không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... Theo quy hoạch sử dụng đất huyện T thời kỳ 2021-2030 được Ủy ban nhân dân tỉnh V phê duyệt tại Quyết định 3100/QĐ-UBND ngày 12/11/2021, vị trí thửa đất có quy hoạch ký túc xá...

[2.4]. Do ông D không đủ các điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và hơn nữa phần đất ông D đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ... là không

phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị theo khoản 2 Điều 101 Luật đất đai, nên việc UBND xã T không tiến hành xác nhận vào đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 253 mà ông D đề nghị và ban hành Công văn số 254/CV-UBND trả lời ông D là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 19, Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013; Thông tư 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định, quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên xác định: Việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn D là có căn cứ, do vậy kháng cáo của người khởi kiện yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm ngày 14/8/2023 của TAND huyện Tam Dương theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn D là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn D không được chấp nhận, nên ông D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông D đã trên 60 tuổi nên căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 của Ủy ban TVQH, miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông D.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn D. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/TLST- HC ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Phan Văn D.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Tam Dương
- VKSND huyện Tam Dương;
- Chi cục THADS huyện Tam Dương;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THÂM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Mạnh